

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 815/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997; cư trú tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoài P, sinh năm 1992; cư trú tại ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H và quá trình tố tụng tại Tòa án chị H trình bày: Chị và anh Trần Hoài P tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và tự sống riêng với nhau từ tháng 8/2019, nay chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung của chị và anh P chưa có nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chị thừa nhận đang quản lý 7,5 chỉ vàng 24k và anh P quản lý 0,5 chỉ vàng 24k, tổng cộng 08 chỉ vàng 24k chị chấp nhận chia hai theo yêu cầu của anh P. Đối với số tiền 9.000.000 đồng anh P xác định chị đang quản lý là không có và chị không chấp nhận giao lại anh P $\frac{1}{2}$ số tiền là 4.500.000 đồng.

Ý kiến của anh Trần Hoài P: Anh và chị H tự nguyện kết hôn vào năm 2017 là đúng, có đăng ký kết hôn theo như chị H trình bày. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, lối sống, sinh hoạt dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên tự sống riêng với nhau, nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về phần con chung của anh và chị H không có nên không đặt ra.

Về phần tài sản chung có 08 chỉ vàng 24k hiện chị H đang quản lý 7,5 chỉ vàng 24k và anh đang quản lý 0,5 chỉ vàng 24k, anh yêu cầu chia hai mỗi người 04 chỉ vàng 24k, sau khi đối trừ thì chị H phải giao cho anh 3,5 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền 9.000.000 đồng chị H không thừa nhận nên anh không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc H được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến cự cãi thường xuyên không giải quyết được và tự sống riêng với nhau, thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Bản thân chị H và anh P đều xác định mâu thuẫn trầm trọng và thống nhất ly hôn với nhau nên công nhận sự thuận tình

ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị H và anh P chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị H và anh P xác định tài sản chung gồm có 08 chỉ vàng 24k, chị H đang quản lý 7,5 chỉ vàng 24k và anh P quản lý 0,5 chỉ vàng 24k, các đương sự thống nhất chia hai mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị = 04 chỉ vàng 24k. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận phân chia tài sản và sự thỏa thuận của đương sự không trái với pháp luật được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị H quản lý phần vàng nhiều hơn nên chị H có nghĩa vụ giao lại anh P 3,5 chỉ vàng 24k.

Về khoản tiền 9.000.000 đồng anh P không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết và việc thay đổi yêu cầu anh P là phù hợp được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, đối với chị H và anh P có yêu cầu chia tài sản nên chị H và anh P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được chia: 04 chỉ vàng 24k (giá vàng 24k = 4.590.000 đồng/chỉ) X 5% = 918.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị H và anh P đã nộp được khấu trừ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyễn Ngọc H và anh Trần Hoài P.

Về nuôi con chung: Chưa có nên không đặt ra.

Về chia tài sản: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Hoài P mỗi người được sở hữu 04 chỉ vàng 24k; chị H đang quản lý 7,5 chỉ vàng 24k và anh P quản lý 0,5 chỉ vàng 24k nên chị H có nghĩa vụ giao lại anh P 3,5 chỉ vàng 24k.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng, chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003040 ngày 24/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (chia tài sản) chị Nguyễn Ngọc H và anh Trần Hoài P mỗi người phải chịu 918.000 đồng.

Anh P đã nộp tạm ứng án phí 1.036.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003233 ngày 11/02/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003435 ngày 13/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, phần còn thừa anh P được nhận lại.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hải